



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
HỆ CQ NĂM HỌC 2023-2024

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm TB lớp 10	Điểm TB lớp 11	Điểm TB lớp 12	Tổng điểm
1	Nguyễn Việt	An	05/10/2005	Nam	Kinh	7.1	7.4	7.8	22.3
2	Trần Việt	Dũng	13/07/2005	Nam	Kinh	6.3	7.3	7.6	21.2
3	Nguyễn Đoàn Xuân	Giang	03/08/2005	Nam	Kinh	6.5	7	7.4	20.9
4	Ngô Thị Thu	Hiền	02/11/2005	Nữ	Kinh	8	7.6	7.3	22.9
5	Huỳnh Ngọc	Hiếu	07/04/2005	Nam	Kinh	7	7.6	8.2	22.8
6	Đinh Ngọc	Hòa	13/10/1993	Nam	Kinh	5.4	5.4	5.2	16
7	Trần	Hoàn	07/04/2005	Nam	Kinh	6	6.6	7.4	20
8	Nguyễn Xuân	Khánh	04/10/2003	Nam	Kinh	5.7	6.5	6.8	19
9	Lê Ngọc Bảo	Linh	13/11/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.1	8	24
10	Đặng Thị Trà	My	18/06/2005	Nữ	Kinh	6.9	6.8	7.4	21.1
11	Ngô Trương Phúc	Nam	27/05/2005	Nam	Kinh	6.6	6.4	6.8	19.8
12	Nguyễn Thị Phước	Ngân	09/09/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.1	7.6	23.6
13	Lô Văn	Nghĩa	24/04/2001	Nam	Kinh	6.6	7	7.7	21.3
14	Chu Văn	Nghĩa	25/04/2005	Nam	Kinh	6.4	6.8	7.5	20.7
15	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	15/07/2005	Nữ	Kinh	6.7	7.5	7.6	21.8
16	Ngô Thị Thảo	Nguyên	30/09/2005	Nữ	Kinh	7.2	7.7	8	22.9
17	Lê Thị Minh	Nguyệt	12/07/2005	Nữ	Kinh	5.5	5.8	6.4	17.7
18	Nguyễn Hồ Nguyệt	Nhi	28/09/2005	Nữ	Kinh	6.7	6.8	6.7	20.2
19	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	08/10/2005	Nữ	Kinh	7	7.1	7.6	21.7
20	Đỗ Thành	Phát	07/12/2005	Nam	Kinh	6.2	5.5	6.6	18.3
21	Nguyễn Bằng	Phi	27/08/2005	Nam	Kinh	7.3	7.2	7.7	22.2
22	Huỳnh Ngọc	Phi	22/05/2005	Nam	Kinh	5.8	6.3	7.1	19.2
23	Nguyễn Phú Anh	Phi	20/01/2000	Nam	Kinh	7.5	7.6	7.4	22.5
24	Võ Văn Bảo	Phú	25/03/2005	Nam	Kinh	7.1	7.4	7.9	22.4
25	Trương Lê Thiên	Phú	20/09/2005	Nam	Kinh	6.6	6.7	7.4	20.7
26	Phan Công	Phụng	19/05/2005	Nam	Kinh	5.7	6.2	6.5	18.4
27	Trần Đình Anh	Quân	17/04/2005	Nam	Kinh	7.5	7.3	7.9	22.7
28	Đỗ Văn Duy	Quang	14/12/2005	Nam	Kinh	7.4	7.3	7.3	22
29	Lê Hồng	Sơn	05/03/2005	Nam	Kinh	6.3	6	7.3	19.6
30	Võ Thị Minh	Tâm	11/01/2005	Nữ	Kinh	6.2	7	7	20.2
31	Phạm Thị Thu	Thủy	21/05/2005	Nữ	Kinh	7.2	6.8	7.3	21.3
32	Đào Thị Thủy	Tiên	09/07/2005	Nữ	Kinh	7.2	7.3	7.4	21.9
33	Vi Đức	Toàn	09/10/2000	Nam	Kinh	6	6.3	7.4	19.7
34	Phạm Nhật	Trâm	23/11/2005	Nữ	Kinh	7	7.6	7.9	22.5
35	Lê Thị Thủy	Trình	10/11/2005	Nữ	Kinh	6.6	7	7.7	21.3
36	Tạ Thị Thảo	Uyên	24/09/2005	Nữ	Kinh	8.3	8.5	8.4	25.2
37	Ngô Đức	Vượng	03/09/2002	Nam	Kinh	7.1	7.3	7.8	22.2
38	Trần Quốc	Khai	20/06/2005	Nam	Kinh	7.5	7.8	8	23.3
39	Nguyễn Vũ Trung	Nguyên	28/08/2002	Nam	Kinh	7.2	7.2	7.5	21.9
40	Lương Tường	Vy	20/09/2005	Nữ	Kinh	6.8	7.3	7.6	21.7